

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi,
giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 2 năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16
tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19
tháng 2 năm 2025;*

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội
khóa XV sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;*

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật
Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu
tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho
trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi; giáo dục bắt buộc đối với giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở (sau

đây gọi chung là giáo dục bắt buộc); xóa mù chữ; điều kiện bảo đảm thực hiện; thẩm quyền, hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, xóa mù chữ và hoàn thành giáo dục bắt buộc; trách nhiệm quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với trẻ em từ 5 tuổi đến 6 tuổi; công dân Việt Nam, đang sống tại Việt Nam, các tổ chức và cá nhân liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Giáo dục tiểu học bắt buộc là giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi tiểu học bắt buộc phải học tập để hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Giáo dục trung học cơ sở bắt buộc là giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi trung học cơ sở bắt buộc phải học tập để hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Hoàn thành giáo dục bắt buộc là việc người học hoàn thành chương trình giáo dục trong độ tuổi theo quy định của pháp luật.

4. Xóa mù chữ là việc nhà nước tổ chức các hoạt động dạy và học nhằm trang bị cho người dân trong độ tuổi từ 15 đến 60 những yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của Chương trình xóa mù chữ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Bảo đảm quyền học tập và nghĩa vụ học tập của công dân theo quy định; mọi công dân trong độ tuổi giáo dục bắt buộc phải học tập để đạt trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm các điều kiện thực hiện.

2. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ theo hướng toàn diện, bền vững, có chất lượng; gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước; xác định rõ trách nhiệm của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện.

4. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện xóa mù chữ gắn với mục tiêu học tập suốt đời và nâng cao năng lực thích ứng xã hội của người học; ưu tiên đầu tư, hỗ trợ đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng yếu thế theo quy định của pháp luật.

5. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội; bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực.

Điều 5. Chính sách đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ; khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức quốc tế, người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào việc thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ ở Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được miễn, giảm học phí, miễn phí sách giáo khoa và hỗ trợ chi phí học tập khi tham gia các chương trình phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định.

3. Cá nhân thuộc đối tượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc hoặc tham gia học xóa mù chữ được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.

4. Cá nhân tham gia tổ chức, quản lý, dạy học và các công việc khác để thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Điều 6. Hình thức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Thực hiện thông qua các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục dân lập, tự thực theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện thông qua giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng và các cơ sở, hình thức giáo dục khác được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

3. Áp dụng các hình thức tổ chức học tập linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và đặc điểm của người học, bảo đảm đạt mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ theo quy định.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở, ngăn cấm hoặc gây khó khăn cho việc học tập của trẻ em, học sinh, học viên thuộc đối tượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

2. Gian lận, làm sai lệch hồ sơ, số liệu, kết quả trong tổ chức thực hiện, kiểm tra, công nhận và duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

3. Lợi dụng hoạt động phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 8. Trách nhiệm của công dân, gia đình và cơ sở giáo dục đối với phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ

1. Mọi công dân trong độ tuổi quy định có nhiệm vụ học tập để đạt trình độ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và có nghĩa vụ học tập để đạt trình độ giáo dục bắt buộc.

2. Gia đình có trách nhiệm tạo điều kiện cho các thành viên của gia đình trong độ tuổi quy định được học tập để đạt trình độ phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

3. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 9. Các trường hợp đặc thù khi xác định kết quả giáo dục bắt buộc

1. Khi xác định kết quả thực hiện giáo dục bắt buộc để công nhận đạt chuẩn giáo dục bắt buộc tại địa phương, không tính vào tổng số đối tượng phải hoàn thành giáo dục bắt buộc các trường hợp sau đây:

a) Không có khả năng học tập do tình trạng sức khỏe đặc biệt nghiêm trọng theo xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Khuyết tật đặc biệt nặng không có khả năng học tập theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

c) Đang chấp hành quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không thể tham gia học tập;

d) Trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Việc xác định các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, giấy tờ hoặc dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

Chương II

PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI

Điều 10. Đối tượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi

Đối tượng phổ cập giáo dục là trẻ em từ 5 đến 6 tuổi chưa hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Điều 11. Chương trình giáo dục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi

Chương trình giáo dục thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi là Chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 12. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi

1. Đối với cá nhân trẻ em: Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non dành cho mẫu giáo 5 - 6 tuổi.

2. Đối với xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã)

a) Tỷ lệ huy động trẻ em từ 5 đến 6 tuổi đến lớp đạt ít nhất 95%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%;

b) Tỷ lệ trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non dành cho trẻ em mẫu giáo 5 - 6 tuổi hằng năm đạt ít nhất 85%; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%.

3. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh): có ít nhất 90% số xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ít nhất 95% số xã ở vùng còn lại được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi.

Chương III

GIÁO DỤC BẮT BUỘC

Mục 1

GIÁO DỤC TIỂU HỌC BẮT BUỘC

Điều 13. Đối tượng giáo dục tiểu học bắt buộc

Đối tượng giáo dục tiểu học bắt buộc là trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14 chưa hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học.

Điều 14. Chương trình giáo dục thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc

Chương trình giáo dục thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc là chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 15. Tiêu chuẩn công nhận giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ hoàn thành

1. Đối với cá nhân: Hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học.

2. Đối với xã:

a) Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

c) Tỷ lệ trẻ em 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định này.

d) Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi tiểu học và có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt ít nhất 60%.

3. Đối với tỉnh: Có ít nhất 95% số xã được công nhận giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ hoàn thành.

Điều 16. Tiêu chuẩn công nhận giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ nâng cao

1. Đối với xã:

a) Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ hoàn thành;

b) Duy trì tỷ lệ trẻ em 14 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt 100%, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định này, trong ít nhất 2 năm liên tục;

c) Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 99%;

d) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 97%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

đ) Tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi tiểu học và có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt ít nhất 90%.

2. Đối với tỉnh: Có 100% số xã được công nhận giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ nâng cao và duy trì ổn định trong ít nhất 2 năm liên tục.

Mục 2**GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ BẮT BUỘC****Điều 17. Đối tượng giáo dục trung học cơ sở bắt buộc**

Đối tượng giáo dục trung học cơ sở bắt buộc là thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 11 đến 18 đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, chưa hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở.

Điều 18. Chương trình giáo dục thực hiện giáo dục trung học cơ sở bắt buộc

Chương trình giáo dục thực hiện giáo dục trung học cơ sở bắt buộc là chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 19. Tiêu chuẩn công nhận giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ hoàn thành

1. Đối với cá nhân: Hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở.
2. Đối với xã:
 - a) Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận hoàn thành giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ hoàn thành và tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1;
 - b) Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở đạt ít nhất 95%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 90%;
 - c) Tỷ lệ thanh niên 18 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở đạt 100%, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định này;
 - d) Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 80%, đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.
 - đ) Tỷ lệ người khuyết tật trong độ tuổi trung học cơ sở và có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt ít nhất 60%.
3. Đối với tỉnh: Có ít nhất 95% số xã được công nhận giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ hoàn thành.

Điều 20. Tiêu chuẩn công nhận giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ nâng cao

1. Đối với xã:
 - a) Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ hoàn thành;

b) Duy trì tỷ lệ thanh niên 18 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở đạt 100%, trừ trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định này, trong ít nhất 2 năm liên tục;

c) Tỷ lệ thiếu niên 15 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở đạt ít nhất 97%;

d) Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt ít nhất 90%.

đ) Tỷ lệ người khuyết tật trong độ tuổi trung học cơ sở và có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục đạt ít nhất 90%.

2. Đối với tỉnh: Có 100% số xã được công nhận giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ nâng cao và duy trì ổn định trong ít nhất 2 năm liên tục.

Chương IV

XÓA MÙ CHỮ

Điều 21. Đối tượng xóa mù chữ

Đối tượng xóa mù chữ là những người trong độ tuổi từ 15 đến 60 chưa biết chữ.

Điều 22. Chương trình và hình thức tổ chức xóa mù chữ

1. Chương trình xóa mù chữ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Các lớp học xóa mù chữ được tổ chức theo hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện làm việc, sinh hoạt của người học; có thể được tổ chức tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trung tâm học tập cộng đồng hoặc tại các địa điểm thuận lợi khác.

Điều 23. Tiêu chuẩn công nhận cá nhân đạt chuẩn biết chữ

1. Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: Hoàn thành giai đoạn 1 chương trình xóa mù chữ hoặc hoàn thành lớp 3 chương trình giáo dục tiểu học.
2. Người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: Hoàn thành giai đoạn 2 chương trình xóa mù chữ hoặc hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học.

Điều 24. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1

1. Đối với xã: Có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1.

2. Đối với tỉnh: Có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

Điều 25. Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

1. Đối với xã: Có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2; đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có ít nhất 90% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2.

2. Đối với tỉnh: Có 100% số xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Chương V

ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI, GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ XÓA MÙ CHỮ

Điều 26. Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác.

2. Cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật Giáo dục và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục.

3. Cộng tác viên giáo dục, báo cáo viên giáo dục thường xuyên đạt chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được huy động tham gia dạy học xóa mù chữ. Trong trường hợp đặc biệt có thể huy động các cá nhân khác tham gia dạy học xóa mù chữ.

4. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên cử người theo dõi công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ tại địa bàn được phân công.

Điều 27. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp

1. Quy hoạch mạng lưới trường, lớp phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, nông thôn và quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương.

2. Mạng lưới trường, lớp được bố trí hợp lý theo địa bàn dân cư, đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em, học sinh và học viên trong diện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ; bảo đảm thuận lợi cho việc đi học, học tập thường xuyên của người học.

3. Ưu tiên quy hoạch, sắp xếp mạng lưới trường, lớp tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, khu công nghiệp, khu đô thị mới và các khu vực có biến động dân cư.

Điều 28. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1. Cơ sở tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc phải bảo đảm đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng, đồ chơi theo quy định đáp ứng yêu cầu thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc.

2. Cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các cơ quan, đoàn thể sử dụng cơ sở vật chất của đơn vị mình để tổ chức thực hiện xóa mù chữ.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đối với các địa bàn khó khăn.

4. Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân tạo điều kiện về cơ sở vật chất để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

Điều 29. Huy động nguồn lực xã hội

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư tham gia hỗ trợ thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn lực xã hội được huy động để đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu; hỗ trợ người học và các hoạt động phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

3. Việc huy động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn lực xã hội phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích, hiệu quả và chịu sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền và cộng đồng.

4. Không được lợi dụng việc huy động nguồn lực xã hội để ép buộc đóng góp, thu các khoản trái quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn cho người học, gia đình người học.

5. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc huy động và sử dụng nguồn lực xã hội tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Nguồn tài chính đầu tư cho phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ

1. Nguồn kinh phí

a) Kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ được cân đối, phân bổ trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách.

b) Đối với các chính sách về đầu tư phát triển mạng lưới trường lớp, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, các chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

c) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

Chương VI

THẨM QUYỀN, HỒ SƠ, QUY TRÌNH, THỦ TỤC, THỜI GIAN KIỂM TRA CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI, GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ XÓA MÙ CHỮ

Điều 31. Thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ đối với xã; ra quyết định công nhận tỉnh đạt chuẩn giáo dục bắt buộc mức độ hoàn thành và xóa mù chữ mức độ 1.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra và ra quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc mức độ nâng cao và xóa mù chữ mức độ 2 đối với tỉnh.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ bao gồm:

a) Phiếu điều tra phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ;

b) Sổ theo dõi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ;

c) Danh sách trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non (đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học (đối với giáo dục tiểu học bắt buộc); danh sách học sinh hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở; danh sách học sinh có chứng chỉ nghề (đối với giáo dục trung học cơ sở bắt buộc); danh sách học viên được công nhận biết chữ theo các mức độ (đối với xóa mù chữ) theo các biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ bao gồm:

a) Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê;

b) Biên bản tự kiểm tra, đánh giá phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của xã theo các biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 33. Hồ sơ đề nghị công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc hoặc xóa mù chữ kèm theo các biểu thống kê theo các mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

2. Biên bản kiểm tra phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc hoặc xóa mù chữ của tỉnh đối với xã trên địa bàn tỉnh.

3. Quyết định công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc hoặc xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh.

Điều 34. Nội dung kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Kiểm tra hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và kiểm tra thực tế kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc hoặc xóa mù chữ.

2. Ban hành quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc hoặc xóa mù chữ đối với xã hoặc tỉnh nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định này.

Điều 35. Trình tự, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ đối với xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tự tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ trên địa bàn và lập hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 20 tháng 10 hằng năm.

b) Trong 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đoàn kiểm tra thực tế tại ít nhất 20% số xã, mỗi xã ít nhất 02 hộ gia đình; kiểm tra hồ sơ mức độ đạt chuẩn của các xã còn lại; lập biên bản kiểm tra xã và tổng hợp kết quả.

c) Trong 15 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kiểm tra hồ sơ và biên bản của đoàn kiểm tra thực tế xác nhận đủ tiêu chuẩn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận xã đạt chuẩn hoặc thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không công nhận.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ đối với tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thành việc tự kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo các quy định hiện hành trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

b) Trường hợp tỉnh đạt chuẩn giáo dục bắt buộc mức độ hoàn thành, xóa mù chữ mức độ 1:

- Trong 10 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành tự kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố tỉnh đạt chuẩn giáo dục bắt buộc mức độ hoàn thành, xóa mù chữ mức độ 1.

- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, theo dõi.

c) Trường hợp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi hoặc giáo dục bắt buộc mức độ nâng cao hoặc xóa mù chữ mức độ 2:

- Trong 20 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành tự kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 **Điều 32 Nghị định này** đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để đề nghị kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ trong 10 ngày làm việc; trường hợp cần kiểm tra thực tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc tổ chức đoàn kiểm tra trong thời hạn 30 ngày làm việc tiếp theo.

- Trong 10 ngày làm việc kể từ khi có biên bản của đoàn kiểm tra xác nhận đủ tiêu chuẩn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

- Trường hợp chưa đạt, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản trong 20 ngày làm việc, nêu rõ lý do gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 36. Thời gian kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Thời điểm báo cáo số liệu thống kê phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ hằng năm được quy định như sau:

- a) Đối với xã: Ngày 30 tháng 9;
- b) Đối với tỉnh: Ngày 10 tháng 10.

2. Tỉnh hoàn thành việc kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ trước ngày 30 tháng 12 hằng năm.

Điều 37. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác điều tra, kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ

1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác điều tra, kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

Chương VII

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI, GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ XÓA MÙ CHỮ

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chính sách, pháp luật về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

2. Hướng dẫn các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới trường học phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

3. Ban hành và hướng dẫn thực hiện chương trình, tài liệu tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

4. Hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định về chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng người tham gia dạy học phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng các chế độ, chính sách đối với phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và kiểm tra, công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

7. Hằng năm tổng hợp kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Công an

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, cơ sở giáo dục liên quan rà soát, cập nhật, bổ sung và cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan để xác định, quản lý và

huy động đúng, đủ các đối tượng trong diện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ (các thông tin cần cung cấp bổ sung gồm: các trường thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thông tin xác định đối tượng: người học thuộc khu vực thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại cơ sở giáo dục thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; trẻ em đối tượng bảo trợ xã hội; người học thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người học con đối tượng chính sách theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người học con công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; trẻ em khuyết tật, trẻ em khuyết tật học hòa nhập).

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, kế hoạch, chương trình; bảo đảm và tăng cường đầu tư các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ và các nguồn lực cần thiết để tổ chức thực hiện có hiệu quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý, đáp ứng yêu cầu theo quy định.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các địa phương và các cơ sở giáo dục liên quan trong tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ đối với hệ thống cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, các tổ chức tôn giáo, cơ sở tôn giáo, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ theo quy định của pháp luật.

2. Lồng ghép mục tiêu, nội dung về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc, cộng đồng tôn giáo trong việc nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ học tập của trẻ em và người dân, góp phần hạn chế tình trạng bỏ học, không đến trường, tái mù chữ tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có đông tín đồ tôn giáo.

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc theo dõi, tổng hợp thông tin, đánh giá tình hình thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có yếu tố tôn giáo, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo quy định.

Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục để thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định.

2. Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trong việc bố trí, hướng dẫn về vị trí việc làm, số lượng người làm việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ theo quy định.

3. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc ban hành chính sách đối với viên chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cân đối trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo cân đối nguồn hỗ trợ của Trung ương để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.

Điều 44. Trách nhiệm của các Bộ, ngành khác, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác

1. Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

Điều 45. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bố trí nguồn lực; chỉ đạo thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học và thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp trường học phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.
2. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của tỉnh.
3. Tổ chức kiểm tra, công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.
4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.
5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác điều tra, kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.
6. Ban hành các chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ trên địa bàn.

Điều 46. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quy hoạch mạng lưới trường học và thực hiện kế hoạch đầu tư nâng cấp trường học phục vụ yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của xã.
3. Tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ trên địa bàn: Thực hiện điều tra, cập nhật, quản lý đối tượng; phối hợp với cơ sở giáo dục, gia đình và cộng đồng trong việc huy động người học tham gia và duy trì kết quả học tập; tổ chức tự đánh giá, lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.
4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác điều tra, kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ.
5. Tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.
3. Việc xử lý chuyển tiếp đối với các trường hợp đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:
 - a) Đối với các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được công nhận và giữ nguyên giá trị công nhận; không thực hiện việc công nhận lại tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.
 - b) Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc duy trì, rà soát, đánh giá và công nhận kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.
 - c) Sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đã được công nhận theo quy định trước đây, qua rà soát, đánh giá theo quy định tại Nghị định này, không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện các biện pháp củng cố, duy trì và thực hiện việc công nhận lại theo quy định tại Nghị định này.
 - d) Đối với các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP thì được xác định tương đương và công nhận là đạt chuẩn giáo dục bắt buộc tiểu học mức độ hoàn thành và giáo dục bắt buộc trung học cơ sở mức độ hoàn thành theo quy định tại Nghị định này, không phải thực hiện việc đánh giá, công nhận lại tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.
4. Việc kiểm tra công nhận và công nhận lại kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ quy định tại Điều này được thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Chương VI của Nghị định này.

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

.....

PHỤ LỤC
MẪU HÓA CÁC BÁO CÁO, PHIẾU, BIỂU MẪU
(Kèm theo Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)
Mẫu số 01

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-....

...., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ năm ...

(Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...)

Kính gửi:

Phần I

BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC
PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI,
GIÁO DỤC BẮT BUỘC, XÓA MÙ CHỮ

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ

1. Công tác của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ

2. Kết quả thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi

- Huy động trẻ 5 tuổi đến trường:/..... (tỷ lệ%);

- Trẻ học 2 buổi trên ngày:/..... (tỷ lệ%);

- Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non:/..... (tỷ lệ%);

- Tổng số trẻ 05 tuổi khuyết tật trên địa bàn: trẻ; số trẻ khuyết tật của địa bàn có khả năng học tập là trẻ; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục là:/.....trẻ, tỷ lệ:%;

- Toàn tỉnh có/..... (tỷ lệ%) xã đạt tiêu chuẩn công nhận về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi.

3. Kết quả thực hiện giáo dục bắt buộc

a) Kết quả thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc

- Số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: .../..., tỷ lệ...%.

- Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../..., tỷ lệ ...%, số trẻ 11 tuổi còn lại đang học ở tiểu học: ..., tỷ lệ%.

- Số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../..., tỷ lệ: ...%

- Số trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi trên địa bàn:...; số trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi có khả năng học tập là:...trẻ; số trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục là/....., tỷ lệ:%, trong đó cấp tiểu học làtrẻ, cấp trung học cơ sở là:

- Tỉnh có .../... đơn vị cấp xã đạt chuẩn giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ hoàn thành; .../... đơn vị cấp xã đạt chuẩn giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ nâng cao.

b) Kết quả thực hiện giáo dục trung học cơ sở bắt buộc

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở:/.....; tỷ lệ: %.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp:/.....; tỷ lệ: %.

- Số thanh niên, thiếu niên 15 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở:/.....; tỷ lệ: %.

- Số thanh niên, thiếu niên 18 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở:/.....; tỷ lệ: %.

- Tỉnh có .../... đơn vị cấp xã đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ hoàn thành; .../... đơn vị cấp xã đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ nâng cao.

4. Kết quả thực hiện công tác xóa mù chữ

a) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25:... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 25 mù chữ: ..., tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

b) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: ... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ... Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 35 mù chữ: ..., tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

c) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: ... trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...
 Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 60 mù chữ: ..., tỷ lệ: ...

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

- Số người huy động học xóa mù chữ trong năm.....: ...

5. Điều kiện đảm bảo

a) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Mầm non: Báo cáo rõ các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng, đồ chơi (số lượng lớp đủ, tỷ lệ): trường đạt chuẩn quốc gia (số lượng, tỷ lệ); số phòng học/lớp (số lượng, loại phòng xây dựng, diện tích bình quân/trẻ); đánh giá so với các quy định hiện hành.

- Tiểu học:

- Trung học cơ sở:

Đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở cần báo cáo làm rõ các điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học như sau:

Báo cáo rõ các điều kiện bảo đảm về cơ sở vật chất, thiết bị: trường đạt chuẩn quốc gia (số lượng, tỷ lệ); số phòng học/lớp; phòng thiết bị, thí nghiệm; thư viện; sân chơi bãi tập; công trình vệ sinh; thiết bị dạy học đánh giá so với các quy định hiện hành.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

- Trung tâm học tập cộng đồng:

b) Kinh phí

- Kinh phí phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc

- Kinh phí xóa mù chữ

c) Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ

- Mầm non: Báo cáo rõ các điều kiện về người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục: số lượng giáo viên, tỷ lệ giáo viên/lớp (đánh giá thừa thiếu); Chất lượng giáo viên (đánh giá theo quy định hiện hành; theo chuẩn nghề nghiệp); số lượng giáo viên được hưởng đủ chính sách theo quy định, người theo dõi phổ cập.

- Tiểu học:

- Trung học cơ sở:

Báo cáo rõ các điều kiện về người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục: số lượng giáo viên, tỷ lệ giáo viên/lớp (đánh giá thừa thiếu); cơ cấu giáo viên theo các môn học (đánh giá); Chất lượng giáo viên (đánh giá theo quy định hiện hành; theo chuẩn nghề nghiệp); người theo dõi phổ cập.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:
- Trung tâm học tập cộng đồng:

6. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ

Cấp xã/cấp tỉnh... đủ điều kiện đạt chuẩn về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục tiểu học bắt buộc mức độ....., đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ....., đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ....tại thời điểm thángnăm ...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm
2. Hạn chế

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI, GIÁO DỤC BẮT BUỘC VÀ XÓA MÙ CHỮ

I. MỤC TIÊU CHUNG

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi
2. Công tác giáo dục bắt buộc
3. Công tác xóa mù chữ

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

Nơi nhận:

- ...;
-

**TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Mẫu số 02

[illegible]

	QH với chủ hộ: _____		20...-20...														
	Ngày sinh: _____		20...-20...														
	Nữ: ☐	Nam: ☐	DT: _____ TG: _____	20...-20...													
	Cha, mẹ, Người đỡ đầu: _____		20...-20...														
4...																	
	QH với chủ hộ: _____																
	Ngày sinh: _____																
	Nữ: ☐	Nam: ☐	DT: _____ TG: _____														
Cha, mẹ, Người đỡ đầu: _____																	
Họ, tên			.../.../20...	.../.../20...	.../.../20...	.../.../20...	.../.../20...										XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU <i>(Ký tên, đóng dấu)</i> Ngày ...tháng ...năm ...
Cán bộ, nhân viên điều tra 1																	
Cán bộ, nhân viên điều tra 2																	
Cán bộ, nhân viên điều tra 3																	
Trưởng thôn, bản, tổ dân phố																	
Chủ hộ gia đình																	

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

SỔ THEO DÕI XÓA MÙ CHỮ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Họ tên cha (hoặc mẹ, hoặc người đỡ đầu)	Chỗ ở hiện nay (xóm thôn, đường phố)	Trình độ hiện nay					Bỏ học	Hoàn cảnh đặc biệt	Ghi chú
							Đã học xong kỳ 1 (lớp 1)	Đã học xong kỳ 2 (lớp 2)	Đã học xong kỳ 3 (lớp 3)	Đã học xong kỳ 4 (lớp 4)	Đã học xong kỳ 5 (lớp 5)			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, đóng dấu)
Ngày ...tháng ...năm ...

Mẫu số 04

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH HỌC VIÊN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, thôn, bản, tổ dân phố, ...)	Đạt chuẩn biết chữ		Chưa đạt chuẩn biết chữ	
						Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 1	Mức độ 2
1									
2									
3									
...									

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

SỔ THEO DÕI PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI, GIÁO DỤC BẮT BUỘC

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Họ tên cha (hoặc mẹ, hoặc người đỡ đầu)	Chỗ ở hiện nay (xóm, thôn, bản, tổ dân phố, đường phố, ...)	Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	Hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	Hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở	Tên lớp đang học, năm hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở	Bỏ học (lớp, năm)	Số phiếu điều tra	Ghi chú (chuyển đi, chuyển đến, chết, khuyết tật, con thương binh, liệt sĩ,)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ...tháng ...năm ...

Mẫu số 06A

Tỉnh: ...

Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH TRẺ EM HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, thôn, bản, tổ dân phố,...)	Đã hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	Năm hoàn thành
1							Theo năm
2						x	
3							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...
Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
(Chia thành danh sách các cấp hoặc thống kê theo độ tuổi)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, thôn, bản, tổ dân phố,...)	Đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học	Năm hoàn thành
1						X	Theo năm
2							
3							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, đóng dấu)
Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...
Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Chia thành danh sách các cấp hoặc thống kê theo độ tuổi)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, thôn, bản, tổ dân phố,...)	Đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở	Năm hoàn thành
1							Theo năm
2							
3						X	
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, đóng dấu)
Ngày ...tháng ...năm ...

Tỉnh: ...
Xã, phường, đặc khu: ...

DANH SÁCH HỌC SINH CÓ CHỨNG CHỈ NGHỀ
(Đối với giáo dục trung học cơ sở bắt buộc)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ <i>(xóm, thôn, bản, tổ dân phố,...)</i>	Chứng chỉ nghề <i>(Số chứng chỉ; nghề)</i>	Năm cấp chứng chỉ
1							Theo năm
2						x	
3							
...							

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU
(Ký tên, đóng dấu)
Ngày ...tháng ...năm ...

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU..
TỔ TỰ KIỂM TRA PHỔ CẬP GIÁO DỤC
MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI,
GIÁO DỤC BẮT BUỘC, XÓA MÙ CHỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA
KẾT QUẢ PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 5 ĐẾN 6 TUỔI,
GIÁO DỤC BẮT BUỘC XÓA MÙ CHỮ NĂM ...**

Căn cứ

Hôm nay, lúc .. giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ..., tại ..., Tổ tự kiểm tra phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ xã/phường/đặc khu ... tổ chức tự kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của xã/phường/đặc khu năm ..., như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Tổ trưởng

.....

2. Phó tổ trưởng

.....

3. Thư ký

.....

4. Thành viên

.....

II. NỘI DUNG TỰ KIỂM TRA

1. Ưu điểm

2. Hạn chế

3. Kết quả kiểm tra số liệu và các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ

a) Các tiêu chuẩn

- Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi:

- + Huy động trẻ từ 5 đến 6 tuổi đến trường:/..... (tỷ lệ%);
- + Trẻ học 2 buổi trên ngày:/..... (tỷ lệ%);
- + Trẻ từ 5 đến 6 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non:/..... (tỷ lệ%);
- + Tổng số trẻ từ 5 đến 6 tuổi khuyết tật trên địa bàn: trẻ; số trẻ khuyết tật của địa bàn có khả năng học tập là trẻ; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục là:/.....trẻ, tỷ lệ:%;
- Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn giáo dục tiểu học bắt buộc:
- + Số trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: .../..., tỷ lệ...%.
- + Số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../..., tỷ lệ ...%, số trẻ 11 tuổi còn lại đang học ở tiểu học: ..., tỷ lệ%.
- + Số trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: .../..., tỷ lệ: ...%
- + Số trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi trên địa bàn:...; số trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi có khả năng học tập là:...trẻ; số trẻ khuyết tật từ 6-14 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục là/....., tỷ lệ:%, trong đó cấp tiểu học làtrẻ, cấp trung học cơ sở là:
- Tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở bắt buộc:
- + Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở:/.....; tỷ lệ: %.
- + Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp:/.....; tỷ lệ: %.
- + Số thanh niên, thiếu niên 15 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở:/.....; tỷ lệ: %.
- + Số thanh niên, thiếu niên 18 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục trung học cơ sở:/.....; tỷ lệ: %.
- Kết quả kiểm tra số liệu và các tiêu chuẩn xóa mù chữ
- + Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25:... trong đó:
- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...
- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...
- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...
- Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 25 mù chữ: ..., tỷ lệ: ...
- Số người trong độ tuổi từ 15 - 25 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

+ Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: ... trong đó:

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 35 mù chữ: ..., tỷ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

+ Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: ... trong đó:

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: tỷ lệ: ...

Trong đó số người trong độ tuổi từ 15 - 60 mù chữ: ..., tỷ lệ: ...

Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: tỷ lệ: ...

Số người huy động học xóa mù chữ trong năm: ...: ...

b) Điều kiện đảm bảo

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

+ Mầm non:

+ Tiểu học:

+ Trung học cơ sở:

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

+ Trung tâm học tập cộng đồng:

- Kinh phí

- Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ:

+ Mầm non:

+ Tiểu học:

+ Trung học cơ sở:

+ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

+ Trung tâm học tập cộng đồng:

4. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ đối với xã

Căn cứ quy định hiện hành, xã (phường, đặc khu).... đủ điều kiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, đạt chuẩn giáo dục tiểu học

bắt buộc mức độ ..., đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở bắt buộc mức độ ..., đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ ... tại thời điểm tháng ... năm 20...

III. ĐỀ XUẤT - KIẾN NGHỊ

.....

Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công nhận kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ của xã.

Biên bản kết thúc vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày.

THƯ KÝ

.....

TỔ TRƯỞNG

.....